

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 16 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020
tỉnh Phú Yên (nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Xét Tờ trình số 186/TTr-UBND ngày 08/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của tỉnh (nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 tỉnh Phú Yên (nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý), với các nội dung chính như sau:

1. Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020 tỉnh giao là 10.938.641 triệu đồng, tăng so với Trung ương giao là 5.177.800 triệu đồng, chi tiết từng nguồn vốn như sau:

- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: tổng số giai đoạn 2016-2020 là 5.574.391 triệu đồng, tăng 2.792.800 triệu đồng so với Trung ương giao.

- Vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương: Tổng số giai đoạn 2016-2020 là 2.979.250 triệu đồng (bằng so với số dự kiến Trung ương giao).

- Bội chi ngân sách tỉnh (nguồn vay Trung ương): tổng vốn vay Trung ương giai đoạn 2016-2020 là 385.000 triệu đồng.

- Nguồn thuế nhà thầu dự án nhà máy lọc dầu Vũng Rô: Tổng vốn giai đoạn 2016-2020 là 2.000.000 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý) cho các dự án (*kèm theo các Phụ lục 01, 02, 03, 04, 05 và 06*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15/12/2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

PHỤ LỤC 01**Phương án phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển
thuộc ngân sách tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016-2020**

*(Ban hành Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 16/12/2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)*

1. Vốn cân đối ngân sách: Tổng vốn cân đối ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 là 5.574.391 triệu đồng, dự kiến phương án phân bổ như sau:

a) Vốn đầu tư trong cân đối theo nguyên tắc, tiêu chí giai đoạn 2016-2020:

Kế hoạch giai đoạn 2016-2020 là 1.989.591 triệu đồng, phân bổ dự phòng 10% là 198.960 triệu đồng, còn lại 1.790.631 triệu đồng phân bổ cho khối huyện 40% theo Nghị quyết 160/2015/NQ-HĐND ngày 25/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Phú Yên là 716.300 triệu đồng, phân bổ cho khối tỉnh 60% là 1.074.331 triệu đồng, bố trí:

- Trả nợ vay lãi và gốc 429.650 triệu đồng, gồm:

+ Trả nợ gốc vay chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, hạ tầng làng nghề (Ngân hàng phát triển Việt Nam Chi nhánh Phú Yên) theo khế ước là 426.000 triệu đồng.

+ Trả phí khoản vay nhân rồi 200.000 triệu đồng Kho bạc Trung ương dự án hạ tầng đô thị Nam Tuy Hòa là 3.650 triệu đồng (đã trả năm 2016).

- Chi hỗ trợ doanh nghiệp công ích 10.000 triệu đồng (bình quân mỗi năm 2.000 triệu đồng).

- Chuẩn bị đầu tư 25.000 triệu đồng (bình quân mỗi năm 5.000 triệu đồng).

- Còn lại 609.681 triệu đồng bố trí vốn thực hiện đầu tư (1).

b) Nguồn thu tiền sử dụng đất: Tổng nguồn vốn giai đoạn 2016-2020 dự kiến bố trí chi đầu tư là 2.594.800 triệu đồng, phân bổ khối huyện 786.000 triệu đồng, khối tỉnh 1.808.800 triệu đồng, bố trí:

- Trả nợ vay lãi và gốc là 622.290 triệu đồng, cụ thể:

+ Trả gốc khoản vay nhân rồi kho bạc Trung ương dự án hạ tầng đô thị Nam Tuy Hòa là 200.000 triệu đồng (đã bố trí năm 2016).

+ Trả gốc và lãi khoản vay dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa giai đoạn 1 là 234.000 triệu đồng.

+ Trả nợ gốc vay chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, hạ tầng làng nghề (Ngân hàng phát triển Việt Nam Chi nhánh Phú Yên) dự kiến vay giai đoạn 2016-2020 là 162.000 triệu đồng.

+ Bố trí hoàn trả ngân sách tỉnh (khoản đã tạm ứng trả gốc khoản vay 500 tỷ đồng kho bạc nhà nước Trung ương) là 26.290 triệu đồng.

- Bố trí kinh phí quỹ phát triển đất 10.000 triệu đồng.

- Sử dụng 876.510 triệu đồng bố trí thực hiện đầu tư (2).

- Phân bổ sau 300.000 triệu đồng.

c) Nguồn thu xổ số kiến thiết: Dự kiến nguồn vốn giai đoạn 2016-2020 là 475.000 triệu đồng, trong đó đã bố trí khối tỉnh năm 2016 là 80.000 triệu đồng, còn lại giai đoạn 2017-2020 là 395.000 triệu đồng, bố trí cho TP. Tuy Hòa 50% số vốn theo

Kết luận số 29-KL/TU ngày 29/4/2016 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về cơ chế đặc thù cho thành phố Tuy Hòa là 197.500 triệu đồng, còn lại 277.500 triệu đồng bố trí vốn thực hiện đầu tư khôi tỉnh, bố trí:

- Chi chuẩn bị đầu tư 5.000 triệu đồng (đã bố trí kế hoạch 2016).

- Chi thực hiện đầu tư khôi tỉnh 272.500 triệu đồng (3).

d) Nguồn vốn đầu tư khác: Kế hoạch 2016-2020 bố trí thực hiện đầu tư là 515.000 triệu đồng.

- Bố trí thực hiện đầu tư 215.000 triệu đồng (4), gồm:

+ Vốn tăng thu đưa vào đầu tư 50.000 triệu đồng: bố trí cho các dự án Tuyến đường đi bộ dọc đường Độc Lập đoạn từ Điện Biên Phủ đến khu resort Thuận Thảo.

+ Nguồn bán trụ sở các đơn vị đưa vào đầu tư: giai đoạn 2016-2020 là 165.000 triệu đồng.

- Phân bổ sau 300.000 triệu đồng.

Tổng nguồn vốn cân đối ngân sách bố trí thực hiện đầu tư khôi tỉnh (1) + (2) + (3) + (4) là 609.681 triệu đồng + 876.510 triệu đồng + 272.500 triệu đồng + 215.000 triệu đồng = 1.973.691 triệu đồng, phân bổ như sau:

- Bố trí đối ứng ODA cho 18 dự án với số vốn: 343.304 triệu đồng, trong đó nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung 94.904 triệu đồng, thu tiền sử dụng đất 208.900 triệu đồng, xổ số kiến thiết 19.500 triệu đồng, nguồn vốn khác 20.000 triệu đồng.

- Bố trí thanh toán nợ cho 54 dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng số vốn 120.651 triệu đồng, trong đó nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung 48.583 triệu đồng, thu tiền sử dụng đất 10.000 triệu đồng (hoàn ứng trụ sở làm việc các cơ quan Đảng), xổ số kiến thiết 21.068 triệu đồng, nguồn khác 41.000 triệu đồng (bố trí dự án Trụ sở làm việc các cơ quan Đảng).

- Bố trí cho 33 dự án chuyển tiếp sang 2017 số vốn 325.126 triệu đồng trong đó nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung 176.194 triệu đồng, nguồn thu tiền sử dụng đất 50.000 triệu đồng, xổ số kiến thiết 88.932 triệu đồng và nguồn vốn khác 10.000 triệu đồng.

- Bố trí 59 dự án khởi công mới số vốn 952.610 triệu đồng, trong đó nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung 180.000 triệu đồng, thu tiền sử dụng đất 507.610 triệu đồng, xổ số kiến thiết 133.000 triệu đồng, nguồn vốn khác 132.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ khôi huyện 40 dự án số vốn 232.000 triệu đồng, trong đó nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung 110.000 triệu đồng, thu tiền sử dụng đất và vốn khác 112.000 triệu đồng, xổ số kiến thiết 10.000 triệu đồng.

Nguồn vốn khôi huyện: Tổng nguồn vốn cân đối ngân sách khôi huyện giai đoạn 2016-2020 là 1.699.800 triệu đồng, chi tiết từng huyện như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng số	Cân đối ngân sách	Đất	Xổ số kiến thiết
B	Tổng số	1.699.800	716.300	786.000	197.500
1	Thành phố Tuy Hòa	636.100	126.600	312.000	197.500
2	Thị xã Sông Cầu	221.300	71.300	150.000	
3	Huyện Đồng Xuân	87.300	77.300	10.000	

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng số	Cân đối ngân sách	Đất	Xổ số kiến thiết
4	Huyện Tuy An	154.300	79.300	75.000	
5	Huyện Sơn Hòa	99.600	69.600	30.000	
6	Huyện Phú Hòa	151.300	62.300	89.000	
7	Huyện Sông Hinh	83.100	78.100	5.000	
8	Huyện Tây Hòa	127.100	87.100	40.000	
9	Huyện Đông Hòa	139.700	64.700	75.000	

2. Nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương: Tổng vốn giai đoạn 2016-2020 là 2.979.150 triệu đồng, bao gồm:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia: giai đoạn 2016-2020 là 752.467 triệu đồng.

b) Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần là 71.100 triệu đồng.

c) Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương: giai đoạn 2016-2020 là 1.989.720 triệu đồng.

d) Vốn nước ngoài: giai đoạn 2016-2020 là 165.962 triệu đồng.

(Chi tiết phân bổ theo báo cáo riêng)

3. Vốn bội chi ngân sách: Giai đoạn 2016-2020 là 385.000 triệu đồng để thanh toán khối lượng xi măng đã triển khai theo Nghị quyết 75/2013/NQ-HĐND ngày 29/3/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2013 – 2015; thực hiện Chương trình bê tông hóa đường giao thông nông thôn các huyện miền núi và bê tông vỉa hè hẻm phố, dự kiến sẽ phân bổ sau khi có quyết định cho vay vốn.

4. Nguồn thuế nhà thầu: Giai đoạn 2016-2020 là 2.000.000 triệu đồng, sẽ phân bổ sau khi thu được nguồn./.

Phụ lục 02

**NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH GIAI
ĐOẠN 2016-2020**

*(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)*

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2016-2020			Ghi chú
		Trung ương	Tỉnh giao	Tỉnh tăng so với TW	
	TỔNG SỐ	5,760,841	10,938,641	5,177,800	
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH	2,781,591	5,574,391	2,792,800	-
	<i>Chi tiết từng nguồn vốn như sau</i>				
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo nguyên tắc, tiêu chí giai đoạn 2016-2020	1,989,591	1,989,591	0	
2	Thu tiền sử dụng đất	540,000	2,594,800	2,054,800	
3	Xổ số kiến thiết	252,000	475,000	223,000	
4	Vốn đầu tư khác		515,000	515,000	
-	Vốn tăng thu đưa vào đầu tư		350,000	350,000	
-	Nguồn bán trụ sở các đơn vị đưa vào đầu tư		165,000	165,000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2,979,250	2,979,250	0	
I	VỐN TRONG NƯỚC	2,813,288	2,813,288	0	
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia	752,468	752,468	0	
2	Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định 22/QĐ-TTg	71,100	71,100		
3	Đầu tư theo các Chương trình mục tiêu	1,989,720	1,989,720	0	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	165,962	165,962	0	
C	BỘI CHI NGÂN SÁCH (NGUỒN VAY TW)		385,000	385,000	
D	THUẾ NHÀ THẦU (Dự án nhà máy lọc dầu Vũng Rô)		2,000,000	2,000,000	

Phụ lục 03

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020					Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Cân đối ngân sách	Đất	Xổ số kiến thiết	Nguồn vốn khác		
		22,043,245	7,670,285	10,229,360	2,087,600	2,056,000		
	TỔNG SỐ	5,574,391	1,989,591	2,594,800	475,000	515,000		
A1	KHỐI TÌNH QUẢN LÝ	3,075,631	1,074,331	1,508,800	277,500	215,000		
I	Trả nợ vay	1,051,940	429,650	622,290	0	0		
1	Trả nợ gốc vay chương trình KCHKM, GTNT, HTLN (Ngân hàng phát triển Việt Nam PY)	588,000	426,000	162,000			Sở TC	
2	Trả phí và gốc khoản vay kho bạc Trung ương	203,650	3,650	200,000			Sở TC	
3	Bố trí hoàn trả ngân sách tỉnh khoản đã tạm ứng trả gốc khoản vay kho bạc nhà nước Trung ương	26,290		26,290			Sở TC	
4	Trả nợ gốc và lãi dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu đô	234,000		234,000			Sở TC	

	thị mới Nam thành phố Tuy Hòa giai đoạn 1							
II	Chi hỗ trợ doanh nghiệp	10,000	10,000				UBND TP. Tuy Hòa	
III	Chuẩn bị đầu tư khối tỉnh	30,000	25,000		5,000			
VI	Kinh phí quỹ phát triển đất	10,000		10,000				
V	Thực hiện đầu tư	1,973,691	609,681	876,510	272,500	215,000		
a)	Đổi ứng các dự án ODA	343,304	94,904	208,900	19,500	20,000		
1	Dự án Phát triển đô thị vừa và nhỏ miền Trung	5,700	5,700				Cty TNHH MTV Cấp thoát nước	
2	Tuyến đường liên huyện Xuân Phước - Phú Hải	100,000	20,000	80,000			BQL ĐAĐTX Đ các CTGT	
3	Dự án phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây nguyên Phú Yên	6,150	6,150				Sở NN & PTNN	
4	Dự án Khôi phục và quản lý rừng bền vững (KFW 6)	800	800				Sở NN & PTNN	
5	Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Phú Yên	5,400	5,400				Sở NN & PTNN	
6	Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp	50,004	40,004	10,000			Sở NN & PTNN	

	miền Trung khoản vay bổ sung tỉnh Phú Yên							
7	Dự án phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Phú Yên	11,000	11,000				Sở NN & PTNN	
8	Đối ứng Ban quản lý các dự án JICA Tỉnh	5,500	5,500				Sở KH&ĐT	
9	Dự án hỗ trợ kỹ thuật thoát nước và chống ngập úng tại các đô thị quy mô vừa vùng duyên hải Việt Nam ứng phó biến đổi khí hậu - thành phố Tuy Hòa (GIZ)	350	350				Sở XD	
10	Dự án Hỗ trợ y tế vùng duyên hải Nam Trung bộ	100			100		Sở Y tế	
11	Các dự án: Hỗ trợ xử lý chất thải tại bệnh viện Đa khoa Tỉnh; hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện sản nhi; hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện đa khoa thị xã Sông Cầu	300			300		Sở Y tế	

12	Dự án Phát triển giáo dục THPT gđ2	13,000		4,000	9,000		Sở GD & ĐT	
13	Dự án Giáo dục THCS KVKKN giai đoạn 2	4,000		1,500	2,500		Sở GD & ĐT	
14	Dự án tăng cường trang thiết bị y tế cho bệnh viện sản nhi, khoa ung thư (bệnh viện đa khoa tỉnh) và các bệnh viện: Sơn Hòa, Đồng Xuân, Tây Hòa và Tuy An, tỉnh Phú Yên	14,000		9,000	5,000		Sở Y tế	
15	Dự án đầu tư hệ thống xử lý chất thải tập trung tại Tp. Tuy Hòa, hệ thống xử lý nước thải y tế cho bệnh viện sản nhi và nâng cấp khu xử lý nước thải cho các bệnh viện: Sơn Hòa, Đồng Xuân, Tây Hòa và Tuy An.	7,000		4,400	2,600		Sở Y tế	
16	Dự án phát triển đô thị bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu - tiểu dự án thành phố	100,000		100,000			BQL DADTX D các CT NN&PT NN	

	Tuy Hòa tỉnh Phú Yên (bố trí kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng)							
17	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG)	14,000				14,000	Sở TN & MT	
18	Sửa chữa và nâng cấp an toàn hồ đập	6,000				6,000	BQL DAĐTX D các CT NN&PT NN	
b)	Danh mục dự án hoàn thành đưa vào sử dụng	120,651	48,583	10,000	21,068	41,000		
1	Dự án Chống xói lở bờ Nam hạ lưu sông Đà Rằng (gói thầu 8b)	1,965	1,965				BQL DAĐTX D các CT NN&PT NN	
2	Khắc phục khẩn cấp phòng cơn bão Haiyan tại khu vực xóm Rớ, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa	183	183				BQL DAĐTX D các CT NN&PT NN	
3	Kênh mương Khu mở rộng Hòa Quang - Phú Hòa thuộc dự án khôi phục và phát triển hệ thống thủy nông Đồng Cam	403	403				Cty TNHH MTV Đồng Cam	

4	Sửa chữa hồ chứa nước Xuân Bình	1,420	1,420				BQL DAĐTX D các CT NN&PT NN	
5	Hồ chứa nước Xuân Bình	1,530	1,530				BQL DAĐTX D các CT NN&PT NN	
6	Xây dựng mới nhà quản lý và các công trình phụ; nạo vét bề tiêu năng và đoạn kênh dẫn sau công lấy nước; sửa chữa cụm điều tiết sau công lấy nước thuộc hồ chứa nước Xuân Bình	650	650				Cty TNHH MTV Đồng Cam	
7	Kè biển An Ninh Đông	76	76				BQL DAĐTX D các CT NN&PT NN	
8	Hồ chứa nước Suối vực	1,000	1,000				BQL DAĐTX D các CT NN&PT NN	
9	Hệ thống chống ngập lụt TP Tuy Hòa	1,000	1,000				BQL DAĐTX D các CT NN&PT NN	
10	Chỉnh trị cửa sông Đà Nông	1,400	1,400				BQL DAĐTX D các CT NN&PT NN	

11	Đường giao thông Bãi Ngà-Vũng Rô, san lấp mặt bằng khu TĐC và Bến cá Bãi Ngà;	795	795				BQL DAĐTX D các CT DD &CN	
12	Dự án Cảng Vũng Rô	120	120				BQL DAĐTX D các CT DD &CN	
13	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào dự án Trụ sở làm việc các cơ quan Đảng tỉnh Phú Yên	8,800	8,800				BQL DAĐTX D các CT DD &CN	
14	Cầu bắc qua suối nối liền thôn Phú Liên xã An Phú, thành phố Tuy Hòa với thôn Phú Mỹ, xã An Thọ huyện Tuy An	3,700	3,700				BQL DAĐTX D các CTGT	
15	Dự án Trường THPT Nguyễn Trãi	244			244		Sở GD & ĐT	
16	Dự án tăng cường thiết bị phòng học vi tính, phòng đa phương tiện cho một số đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	1,800	1,800				Sở GD & ĐT	
17	Dự án tăng cường thiết bị phòng học cho một số	1,600	1,600				Sở GD & ĐT	

	trường MN thực hiện Đề án phổ cập MN cho trẻ 5 tuổi							
18	Sửa chữa cầu nổi hàng lang từ ký túc xá đến phòng học và cải tạo xây dựng nhà xe của giáo viên và học sinh Trường PTDTNT Tỉnh	100	100				Sở GD & ĐT	
19	Trả nợ kinh phí kiểm toán độc lập công trình xây dựng 8 phòng học bộ môn Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh	42	42				Sở GD & ĐT	
20	Đầu tư bổ sung khu nội trú Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh	750	750				Sở GD & ĐT	
21	Dự án cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị Trung tâm KTTH-HN Tỉnh (Cơ sở 1)	1,200	1,200				Sở GD & ĐT	
22	Dự án sửa chữa khu A1, cổng chính, tường rào Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh	900	900				Sở GD & ĐT	

23	Trường Trung cấp nghề thanh niên dân tộc nội trú Phú Yên	2,000	2,000				Sở LĐ TB & XH	
24	Nâng cấp, mở rộng Trường Đại học Phú Yên	9,075			9,075		Trường ĐH Phú Yên	
25	Trung tâm y tế dự phòng huyện Đông Hòa	500			500		Sở Y tế	
26	Phòng khám đa khoa khu vực Sơn Hà, huyện Sơn Hoà-2013	41			41		Sở Y tế	
27	Bệnh viện chuyên khoa Mắt Phú Yên	72			72		Sở Y tế	
28	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh	160			160		Sở Y tế	
29	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Phú Yên	1,531			1,531		BQL DAĐTX D các CT DD &CN	
30	Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Hoà	577			577		Sở Y tế	
31	Bệnh viện Hòa Hiệp Trung (Đông Hòa)	476			476		Sở Y tế	
32	Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Xuân	628			628		Sở Y tế	
33	Bệnh viện đa khoa huyện Sông Hinh	980			980		Sở Y tế, Sông Hinh	
34	Bệnh viện đa khoa khu vực Phú Lâm (Tuy	1,000			1,000		Sở Y tế	

	Hoà)							
35	Dự án Bệnh viện đa khoa khu vực Tuy An	1,760			1,760		Sở Y tế, BQL DAĐTX D các CT DD &CN	
36	Trung tâm y tế dự phòng huyện Sơn Hòa	1,500			1,500		Sở Y tế	
37	Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 8, huyện Đồng Xuân	1,089	1,089				Sở CT	
38	Trụ sở làm việc cơ quan Đoàn ĐBQH và HĐND Tỉnh	391	391				VP HĐND Tỉnh	
39	Trụ sở liên cơ khối vận (trả nợ quyết toán)	269	269				UBMT TQVN Tỉnh	
40	Sửa chữa mái nhà công vụ Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	650	650				Viện Kiểm sát	
41	Trụ sở làm việc các cơ quan Đảng của tỉnh Phú Yên	51,000		10,000		41,000	BQL DAĐTX D các CT DD &CN	sử dun g ngu ồn thuê quy ền sử dun g đất Trụ sở Tỉn h ủy cũ

42	Hỗ trợ Dự án Nhà thi đấu đa năng - Nhà văn hoá Lao động Tỉnh	2,000	2,000				Liên Đoàn Lao động	
43	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Tư pháp	180	180				Sở Tư pháp	
44	Nơi thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Phú Yên	43			43		Sở VH TT & DL	
45	Tu bổ và tôn tạo di tích căn cứ của tỉnh Phú Yên trong kháng chiến chống Mỹ (gđ1)	17			17		Sở VH TT & DL	
46	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà văn hóa Diên Hồng	1,989			1,989		Sở VH TT & DL	
47	Nâng cấp, sửa chữa Thư viện tỉnh	75			75		Sở VH TT & DL	
48	Đầu tư hệ thống dây cáp điện ngầm từ trạm biến áp đến Đài phát sóng của Đài phát sóng chớp chài	400			400		Đài PTTH	
49	Trụ sở làm việc Công an phường 1,2, 6 thuộc CA thành phố Tuy Hòa và trụ sở làm việc tổ công an phụ	1,000	1,000				CA Tỉnh	

	trách xã phía Nam huyện Tuy An							
50	Đầu tư phương tiện phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ TX Sông Cầu (thuộc Đề án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy đến 2015)	2,000	2,000				CA Tỉnh	
51	Sở chỉ huy cơ bản huyện Sơn Hòa	3,090	3,090				BCH Quân sự	
52	Sở Chỉ huy Bộ đội Biên phòng (2002)	296	296				BCH Biên phòng	
53	Thao trường tổng hợp Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	5,279	5,279				BCH Quân sự	
54	Nhà kho để phương tiện phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của BCH Quân sự Tỉnh	905	905				BCH Quân sự	
c)	Danh mục dự án chuyển tiếp sang năm 2017	325,126	176,194	50,000	88,932	10,000		
1	Dự án sửa chữa và mở rộng trụ sở làm việc Sở Giáo dục và Đào tạo	5,906	5,906				Sở GD & ĐT	
2	Trung tâm ứng dụng và	8,224	8,224				BQL DA ĐTXD	

	chuyển giao công nghệ Phú Yên						các CT DD & CN	
3	Dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (giai đoạn 1)	30,446	8,146	22,300			BQL KNN CNC	
4	Tuyến đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn nối các huyện, thành phố: Tây Hòa, Phú Hòa, thành phố Tuy Hòa và Tuy An (cầu Dinh Ông)	7,467	7,467				BQL DA ĐTXD các CTGT	
5	Dự án Trường THPT Nguyễn Văn Linh	12,540	7,800	2,200	2,540		BQL DA ĐTXD các CT DD & CN	
6	Dự án Trường THPT Trần Phú	10,000	9,000		1,000		BQL DA ĐTXD các CT DD & CN	
7	Mua sắm máy móc, trang thiết bị, mô hình, mô phỏng cho giảng dạy lý thuyết và thực hành cơ sở 1- Trường cao đẳng y tế (bao gồm thiết bị được)	5,200	3,000		2,200		Trường CD Y tế	

8	Đầu tư hạng mục san lấp mặt bằng và xây dựng tường rào cơ sở 2-Trường Cao đẳng y tế	22,000	22,000				Trường CD Y tế	
9	Trung tâm nguyên cứu và phát triển nông nghiệp công nghệ cao	20,000	20,000				BQL KNN CNC	
10	Trung tâm y tế dự phòng huyện Tuy An	1,000			1,000		BQL DA ĐTXD các CT DD & CN	
11	Trung tâm y tế dự phòng huyện Phú Hòa	1,000			1,000		BQL DA ĐTXD các CT DD & CN	
12	Xây dựng khoa Chống nhiễm khuẩn, xưởng sản xuất dụng cụ chỉnh hình và đoạn tường rào của Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên	2,900			2,900		BQL DA ĐTXD các CT DD & CN	
13	Hỗ trợ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bố trí các dự án giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội)	60,000		20,000	40,000		Sở NN & PTNN đề xuất phương án phân bổ	
14	Bệnh viện đa khoa huyện	3,033			3,033		BQL DAĐTX	

	Tây Hoà						D các CT DD &CN	
15	Bệnh viện đa khoa huyện Sông Cầu	3,637			3,637		BQL DAĐTX D các CT DD &CN	
16	Mua sắm trang thiết bị trang thiết bị cần thiết phục vụ cho chăm sóc sức khỏe ban đầu và cấp cứu	4,995			4,995		Ban bảo vệ chăm sóc cán bộ	
17	Sửa chữa, nâng cấp 9 Trạm y tế xã, phường: xã Suối Bạc, thị trấn Củng Sơn - Huyện Sơn Hòa; thị trấn Hai Riêng, xã EaBia - Huyện Sông Hinh; xã Sơn Thành Đông - Huyện Tây Hòa; xã Hòa Thành - Huyện Đông Hòa; Phường 7, phường Phú Thạnh, phường Phú Lâm - TP. Tuy Hòa	11,000			11,000		BQL DA ĐTXD các CT DD & CN	
18	Trạm y tế xã An Chân, huyện Tuy An	3,700			3,700		Sở Y tế	
19	Cải tạo và sửa chữa chống dột khoa phẫu thuật gây mê hồi sức, tầng	2,158			2,158		Sở Y tế	

	7 (khoa điều trị, khoa hồi sức tích cực - Bệnh viện ĐK Tỉnh							
20	Dự án mua sắm trang thiết bị phòng học mô phỏng thực hành ngành Y dược, phòng học đa phương tiện	1,169			1,169		Trường CD Y tế	
21	Dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng TT nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội (thực hiện giai đoạn 2)	5,000	1,500	1,500	2,000		BQL DA ĐTXD các CT DD & CN	
22	Dự án Trụ sở liên cơ quan các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	13,300	3,300			10,000	BQL DA ĐTXD các CT DD & CN	Sử dụng tiền bán trụ sở
23	DA nhà làm việc Hạt kiểm lâm Tây Hòa	4,787	4,787				BQL DA ĐTXD các CT DD & CN	
24	Sửa chữa, nâng cấp Trụ Sở Hội văn học nghệ thuật	1,037	1,037				Hội Văn học NT	
25	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Sở Khoa học công nghệ	3,000	3,000				Sở KHCN	

26	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Sở NN và PTNT	5,500	5,500				Sở NN & PTNN	
27	Sửa chữa Trụ sở Tỉnh đoàn	2,000	2,000				Tỉnh đoàn	
28	Dự án Nhà làm việc hạt kiểm lâm huyện Đông Hòa	3,227	3,227				BQL DA ĐTXD các CT DD & CN	
29	Bảo tàng tỉnh Phú Yên (giai đoạn 2)	7,000	4,000		3,000		Sở VHTT & DL	
30	Sửa chữa trung tâm hoạt động thanh thiếu niên	4,400	3,400		1,000		Tỉnh đoàn	
31	Nâng cấp, mở rộng Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Phú Yên (giai đoạn 2)	30,000	24,400	3,000	2,600		Đài PTTH	
32	Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khu vực thị xã Sông Cầu thuộc CA Phú Yên	5,500	5,500				CA Tỉnh	
33	Sở Chỉ huy cơ bản huyện Huyện Đồng Xuân	24,000	23,000	1,000			BCH Quân sự	
d)	Danh mục dự án khởi công mới	952,610	180,000	507,610	133,000	132,000		
d1)	Các dự án đủ điều kiện giao kế hoạch	552,750	162,500	169,650	127,600	93,000		

1	Tuyến đường đi bộ dọc đường Độc Lập đoạn từ Điện Biên Phủ đến khu resort Thuận Thảo	50,000				50,000	BQL DAĐTX D các CT DD&CN	Nguồn tiền thuê đất nhà đầu tư
2	Đường Nguyễn Văn Huyền (đoạn từ Trần Phú đến đường Phan Đăng Lưu) và đường Phan Đăng Lưu (đoạn từ đường Hùng Vương đến trước cổng trường Đại học Phú Yên)	14,500		14,500			BQL DAĐTX D các CT DD&CN	Nguồn tiền thuê đất nhà đầu tư
3	Cầu cây Sung thuộc tuyến ĐT 642	12,000	12,000				BQL DAĐTX D các CTGT	
4	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	45,500	5,000		40,500		BQL DAĐTX D các CT DD&CN	
5	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	20,000			20,000		BQL DAĐTX D các CT DD&CN	
6	Đầu nối giao thông cơ sở 2 trường CĐ nghề Phú Yên vào QL 1A	1,000	1,000				Trường CĐ nghề	
7	Đầu tư cơ sở 2 trường Cao đẳng Y tế (gđ 1)	67,900		67,900			Trường CĐ Y tế	

8	Đề án Tăng cường thiết bị dạy học cho học sinh các trường phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2016-2020	16,500			16,500		Sở GD & ĐT	
9	Sửa chữa các hạng mục Trường THCS và THPT Võ Thị Sáu, huyện Tuy An	600	600				Sở GD & ĐT	
10	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ	18,800			18,800		BQL DAĐT D các CT DD&CN	
11	Sửa chữa, cải tạo nhà tập đa năng Trường THPT Nguyễn Huệ	2,000			2,000		Sở GD & ĐT	
12	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị Trung tâm THKT-HN Phú Yên - Cơ sở 2	3,000			3,000		Sở GD & ĐT	
13	Sửa chữa và xây mới khu nội trú học sinh Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	5,300			5,300		BQL DAĐT D các CT DD&CN	
14	Trường THPT Trần Bình Trọng, huyện Phú Hòa	28,000		28,000			BQL DAĐT D các CT DD&CN	

15	Trường THCS&THPT Võ Thị Sáu	35,000	35,000				BQL DAĐTX D các CT DD&CN	
16	Cải tạo mặt bằng để lắp đặt hệ thống chụp mạch xóa hóa nền DSA - Bệnh viện ĐK Tỉnh	1,000			1,000		Sở Y tế	
17	Dự án Trung tâm truyền thông sức khỏe	10,000		10,000			BQL DAĐTX D các CT DD&CN	
18	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản	10,000		10,000			BQL DAĐTX D các CT DD&CN	
19	Cải tạo, nâng cấp trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	12,000			12,000		BQL DAĐTX D các CT DD&CN	
20	Trạm y tế phường Xuân Thành	2,900			2,900		BQL DAĐTX D các CT DD&CN	
21	Trạm y tế xã Xuân Thọ 2	5,600			5,600		BQL DAĐTX D các CT DD&CN	
22	Trụ sở làm việc Sở Văn hóa Thể thao Du lịch	29,100	4,100			25,000	BQL DAĐTX D các CT DD&CN	Sử dụng tiền bán trụ sở
23	Công trình trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 09, huyện Sơn	2,800	2,800				BQL DAĐTX D các CT DD&CN	

	Hòa							
24	Công trình trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 10, huyện Tây Hòa	5,500	5,500				BQL DAĐTX D các CT DD&CN	
25	Dự án xây dựng mới Nhà làm việc BQL rừng phòng hộ Sông Hinh	4,800	4,800				Sở NN & PTNN	
26	Trụ sở liên cơ các hội tỉnh Phú Yên	12,000	2,000			10,000	BQL DAĐTX D các CT DD&CN	Sử dụng tiền bán trụ sở
27	Trụ sở liên cơ quan khối Vận tỉnh Phú Yên	3,000	3,000				BQL DAĐTX D các CT DD&CN	
28	Nhà làm việc các trạm: trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăm nuôi và Thú y, Khuyến Nông huyện Đông Hoà	4,500	4,500				BQL DAĐTX D các CT DD&CN	
29	Sửa chữa rạp chiếu phim Hưng Đạo	3,000	3,000				Sở VHTT & DL	
30	Sửa chữa Đài tưởng niệm Núi Nhạn	750	750				Sở VHTT & DL	
31	Dự án công viên văn hóa Núi Nhạn	8,000				8,000	Sở VHTT & DL	
32	Cụm công viên, Đài tưởng niệm	10,000	10,000				BQL DAĐTX D các CT	

	tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968						DD&CN	
33	Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu các danh thắng du lịch (Gành Đá Đĩa và các khu du lịch khác)	20,000	5,750	14,250			Sở VHTT & DL	
34	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016 – 2020	20,000	20,000				Văn phòng Tỉnh ủy	
35	Doanh trại Ban chỉ huy Quân sự huyện Sơn Hòa	18,000	18,000				BCH Quân sự	
36	Bia chiến công các trận đánh tiêu biểu (17 Bia)	12,500	12,500				BCH Quân sự	
37	Cải tạo, nâng cấp Nhà làm việc Phòng Tham mưu - Chính trị thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Phú Yên	7,000	4,000	3,000			BCH Quân sự	
38	Sửa chữa nâng cấp hệ thống kho vũ khí BCHBP	2,000	2,000				BCH Biên phòng	
39	Trạm kiểm soát biên phòng Hòa	3,000	3,000				BCH Biên phòng	

	Tâm							
40	Cải tạo, sửa chữa doanh trại Hải đội biên phòng 2 và xây dựng Đồn biên phòng Tuy Hòa (352) thuộc BCH bộ đội biên phòng tỉnh	3,200	3,200				BCH Biên phòng	
41	Đầu tư trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Phú Yên từ năm 2015 đến năm 2018	22,000		22,000			Công an Tỉnh	
d2)	Danh mục dự án chưa đủ điều kiện giao kế hoạch (chưa phê duyệt chủ trương đầu tư)	399,860	17,500	337,960	5,400	39,000	Chi tiết có phụ lục 04 kèm theo	
e)	Danh mục dự án sẽ bố trí vốn trong quá trình điều hành kế hoạch trung hạn							
1	Nâng cấp bệnh viện đa khoa trung							

	tâm tỉnh (từ 500 giường lên 700 giường)							
2	Trụ sở Tòa soạn báo Phú Yên							
3	Sửa chữa trường Chính trị tỉnh							
4	Cải tạo trụ sở huyện ủy Sơn Hòa							
5	cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND huyện Đồng Xuân							
f)	Ngân sách tỉnh hỗ trợ khối huyện	232,000	110,000	100,000	10,000	12,000		Chi tiết danh mục kèm phụ lục 05
A2	KHỐI HUYỆN QUẢN LÝ	1,699,800	716,300	786,000	197,500	0		
1	Thành phố Tuy Hòa	636,100	126,600	312,000	197,500			
2	Thị xã Sông Cầu	221,300	71,300	150,000				
3	Huyện Đồng Xuân	87,300	77,300	10,000				
4	Huyện Tuy An	154,300	79,300	75,000				
5	Huyện Sơn Hòa	99,600	69,600	30,000				
6	Huyện Phú Hòa	151,300	62,300	89,000				
7	Huyện Sông Hinh	83,100	78,100	5,000				
8	Huyện Tây Hòa	127,100	87,100	40,000				

9	Huyện Đông Hòa	139,700	64,700	75,000				
A3	Nguồn phân bổ sau	798,960	198,960	300,000	0	300,000		
1	Dự phòng chi cân đối ngân sách	198,960	198,960				dự phòng	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	300,000		300,000			Phân bổ sau	
3	Vốn tăng thu	300,000				300,000	phân bổ sau	

Phụ lục 04

DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO KẾ HOẠCH 2016-2020 (CHƯA CÓ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ)

(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Dự kiến Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020					Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Cân đối ngân sách	Đất	Xổ số kiến thiết	Nguồn vốn khác		
	TỔNG SỐ	399,860	17,500	337,960	5,400	39,000		
1	Dự án: Nâng cấp, sửa chữa công trình Chính trị cửa sông Đà Nông.	200,000		200,000			BQL DAĐTXD các CT NN&PTNN	
2	Đường Nguyễn Hữu Thọ (đoạn Hùng Vương - Mậu Thân)	50,000		50,000			BQL DAĐTXD các CT DD&CN	
3	Sửa chữa các hạng mục Trường THP Lê Trung Kiên	900			900		Sở GD & ĐT	
4	Sửa chữa các hạng mục Trường THPT Lê Thành Phương	900			900		Sở GD & ĐT	
5	Sửa chữa các hạng mục Trường THPT Tôn Đức Thắng	900			900		Sở GD & ĐT	
6	Sửa chữa các hạng mục Trường THPT Nguyễn Du	900			900		Sở GD & ĐT	
7	Sửa chữa các hạng mục Trường THCS và THPT Võ Nguyên Giáp	900			900		Sở GD & ĐT	
8	Sửa chữa các hạng mục Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hoà nhập Phú Yên	900			900		Sở GD & ĐT	

9	Trường THPT Trần Suyền giai đoạn 2	15,000		15,000			BQL DAĐT XD các CT DD&CN	
10	Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh (mới)	52,960		52,960			BQL DAĐT XD các CT DD&CN	
11	Trường Chính trị tỉnh	15,000				15,000		
12	Sửa chữa chống thấm Khoa hồi sức sơ sinh, khoa ngoại liên khoa, Bệnh viện Sản- Nhi	2,000	2,000				Sở Y tế	
13	Trụ sở liên cơ các Ban quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh Phú Yên	24,000				24,000	BQL DAĐT XD các CT DD&CN	Sử dụng tiền bán trụ sở
14	Dự án liên cơ quan BVTV, Thú y, Khuyến Nông huyện Tây Hoà	4,300	4,300				BQL DAĐT XD các CT DD&CN	
15	Dự án Văn phòng Trung tâm Khuyến Nông - Khuyến Ngư	4,600	4,600				BQL DAĐT XD các CT DD&CN	
16	Cải tạo, sửa chữa cơ sở làm việc Trung tâm dịch vụ việc làm thanh niên tỉnh Phú Yên	2,600	2,600				Tỉnh đoàn	
17	Công trình hội chợ triển lãm trung tâm tỉnh	4,000	4,000				BQL DAĐT XD các CT DD&CN	
18	Duy tu, trung tu các khu di tích lịch sử	20,000		20,000			Sở VH TT & DL	

Phụ lục 06

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ VAY CHƯƠNG TRÌNH GTNT,...
ĐẾN NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2016-2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 56 /NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

S T T	Năm	Tổng số vay	Lịch trả nợ vay														Tổng số đã trả đến 2015	Số nợ vay còn lại phải trả 2016- 2020	Số nợ vay còn lại phải trả 2021- 2025	CỘNG BẢO/Số 48+49/Ngày 30-12-2016
			2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025				
	Tổng số	910	6	12	24	57	105	99	105	148	131	82	82	45	14	0	99	588	223	
I	Số đã vay đến năm 2015	525	6	12	24	57	105	99	93	81	48	0	0	0	0	0	99	426		
1	2010	30	6	6	6	6	6										24	6		
2	2011	30		6	6	6	6	6									18	12		
3	2012	60			12	12	12	12	12								24	36		
4	2013	85				17	17	17	17	17							17	68		
5	2014	80				16	16	16	16	16							16	64		
6	2015	80					16	16	16	16	16							80		
7	2015 lần 2	160					32	32	32	32	32							160		
I I	Dự kiến vay 2016 - 2020	385						0	12	67	83	82	82	45	14	0		162	223	
1	2016																			
2	2017	59.7							12	12	12	12	11.7					36	23.7	49

3	2018	150								30	30	30	30	30				60	90	50
4	2019	100								25	25	25	25					50	50	
5	2020	75.3									16	15	15	15	14.3			16	59.3	